TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Nguyễn Văn Quang.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2022/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐST- HNGĐ, ngày 23/02/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Bích T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích T và anh Nguyễn Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) thị trấn D, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên do quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã làm thủ tục ly hôn. Đến năm 2018 anh chị lại quyết định quay về chung sống cùng nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn lại vào ngày 16/11/2018 tại UBND thị trấn D theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại tổ dân phố P, thị trấn D, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 02/3/1997 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 30/4/2012. Hiện nay cháu N đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án xem xét, còn cháu T3 chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Xuân T1 trốn tránh, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Bích T, xử cho chị Bùi Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1. Về con chung giao cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 30/4/2012 cho chị Bùi Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Xuân T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Bùi Thị Bích T phải chịu toàn bộ phần án phí, anh Nguyễn Xuân T1 không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bùi Thị Bích T và anh Nguyễn Xuân T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Xuân T1 là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố B, thị trấn D, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Nguyễn Xuân T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Bích T, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị T và anh T1 xác định: Chị T và anh T1 kết hôn vào năm 1996. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại tổ dân phố P, thị trấn D, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian chung sống vợ chồng anh chị ban đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi nhau sau đó hai anh chị đã làm thủ tục ly hôn. Năm 2018 anh chị quay về chung sống và đăng ký kết hôn lại tuy nhiên cũng chỉ được một thời gian lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh T1 đang đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng anh T1 mới về địa phương. Qúa trình giải quyết vụ án anh T1 không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T1 cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, HĐXX nhận định: Qúa trình giải quyết ly hôn chị T đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 30/4/2012. Cháu T3 cũng thể hiện nguyện vọng mong muốn được ở với chị T. Như vậy, cần giao cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 30/4/2012 cho chị Bùi Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 30/4/2012 cho chị Bùi Thị Bích T trực tiếp, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Xuân T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị Bích T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Xuân T1 không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Bích T về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Nguyễn Xuân T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 30/4/2012 cho chị Bùi Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Xuân T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Bích T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002337 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Xuân T1 không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Tuấn Linh